

# LỄ HỘI CỔ TRUYỀN Ở MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á: NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT

TRẦN THỊ VINH\*

HOÀNG HẢI HÀ

**T**rong xu thế mở cửa hội nhập với thế giới và khu vực, việc tìm hiểu lịch sử phát triển nói chung và văn hoá truyền thống nói riêng của các dân tộc khác là điều hết sức cần thiết. Nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á không chỉ để thấy mối tương đồng trong lịch sử khu vực mà còn để khám phá ra những giá trị văn hoá chung của các dân tộc, từ đó thấy được sắc thái đa dạng và phong phú của văn hoá khu vực

Ngay từ rất sớm, đối với các nhà thám hiểm và thương nhân nước ngoài, “Đông Nam Á được nhìn nhận là một vùng thần bí, nơi sản xuất hương liệu, gia vị và những sản phẩm kì lạ khác” (2,9), một vùng “đất vàng” đầy quý giá. Trong quá trình tìm kiếm và thống trị thuộc địa, nghiên cứu Đông Nam Á càng được đẩy mạnh với hàng loạt công trình của các học giả lớn như G.Coedes, Pie Gourou, Maspero... Mặc dù còn hạn chế song thông qua đó thế giới càng hiểu

hơn về giá trị và vị trí của khu vực. Ngày nay, đứng trước thời vận mới, Đông Nam Á không chỉ là một khu vực địa lý – chính trị quan trọng mà nó còn được biết đến như là mảnh đất còn bảo tồn, lưu giữ các loại hình văn hoá dân gian cổ truyền độc đáo đã tồn tại tự nhiên hàng thế kỷ trong lịch sử.

Bài viết này sẽ đề cập đến một trong những vấn đề nêu trên: lễ hội dân gian của cộng đồng các dân tộc trong khu vực. Đây là một loại hình văn hoá độc đáo, mang những nét đặc trưng nhất của văn hoá khu vực, được định hình theo sinh hoạt nông nghiệp trồng lúa nước, của khí hậu nóng ẩm gió mùa và đặc biệt có sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hoà giữa tín ngưỡng bản địa với văn hoá du nhập ngoại lai. Nhưng bao trùm lên trên hết nó thể hiện một phong tục tập quán lành mạnh và đời sống văn hoá tinh thần phong phú mang bản sắc riêng đầy cá tính của cư dân nơi đây.

---

\* PGS.TS. Trần Thị Vinh, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đông Nam Á bao gồm một quần thể các đảo, bán đảo, đất liền và vịnh “nằm trọn” giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, được coi như cầu nối quan trọng, cửa ngõ trên tuyến đường hàng hải quốc tế từ nhiều thế kỷ nay. Khí hậu ở khu vực này mang tính chất gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều, với một thảm thực vật phong phú và một mạng lưới sông ngòi dày đặc tạo nên các đồng bằng phù sa rộng màu mỡ như đồng bằng sông Hồng, Mêkông, Mênam, Iraoadi... Khi trình độ kinh tế còn thấp kém thì “các luồng dân cư đều tiến dọc theo các khu vực hẹp của các con sông bắt nguồn từ Trung Quốc ở vùng biên giới Tây Tạng, chịu sự hấp dẫn của các miền châu thổ và duyên hải màu mỡ” (6, 20), cho nên Đông Nam Á đã sớm trở thành nơi quần tụ lý tưởng của con người thời tiền sử. Vì vậy có thể khẳng định rằng điều kiện tự nhiên chắc chắn có ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống văn hoá của cư dân nơi đây trong buổi đầu lịch sử.

Cũng nhờ thiên nhiên thuận lợi mà từ hàng nghìn năm trước, Đông Nam Á đã là một trong những trung tâm nông nghiệp sơ khai, đồng thời cũng là nơi con người lần đầu tiên phát hiện ra cây lúa nước. Nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đóng vai trò quyết định trong đời sống vật chất và là cội nguồn trong hoạt động văn hoá tinh thần của con người, nhất là lễ hội. Đây cũng chính là yếu tố bản địa, là “mẫu số chung” trong nền văn hoá khu vực.

Đông Nam Á nằm cạnh hai chiếc nôi văn minh lớn của nhân loại là Trung Hoa và Ấn Độ nên ngay từ sớm đã tiếp xúc với những thành tựu rực rỡ của hai nền văn minh này. Hơn nữa Nhà nước ở Đông Nam Á ra đời khá muộn, khi mà văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ đã phát triển

cực thịnh, thêm vào đó do chính sách bành trướng của phong kiến Trung Hoa nên sự hình thành các quốc gia Đông Nam Á tất yếu còn gắn liền với việc tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá hai nước này. Tuy nhiên quá trình giao lưu văn hoá ấy được xây dựng trên nền tảng cơ tầng văn hoá Đông Nam Á trong thời kỳ tiền sử. Vì thế ở đây không thành khu vực Hán hoá hay Ấn Độ hoá mà cư dân biết “lựa chọn những gì thích hợp trong thế giới Dravida, đồng thời phục tùng các đặc điểm của mình, chứ không phải tiếp thu tất cả những gì xa lạ với họ” (8, 14) để tạo nên sự phong phú, đa dạng, độc đáo trong văn hoá khu vực nói chung và lễ hội dân gian nói riêng.

Chính điều kiện tự nhiên và xã hội nói trên là cơ sở quan trọng cho việc hình thành các lễ hội dân gian. Về đại thể, có thể chia lễ hội Đông Nam Á thành ba loại hình chính: lễ hội nông nghiệp, lễ hội tôn giáo và lễ hội tưởng niệm các vị anh hùng dân tộc – danh nhân văn hoá.

## 1. Các lễ hội cổ truyền ở Đông Nam Á

### 1.1. Lễ hội nông nghiệp

Cây trồng quan trọng nhất đối với cư dân Đông Nam Á là cây lúa, vì vậy “*thần lúa*” được coi là vị thần thiêng liêng nhất trong cuộc sống sản xuất của các dân tộc. Theo quan niệm của cư dân, nếu “hồn lúa” mà bay đi thì năm ấy sẽ thất bát, mất mùa. Lễ hội nông nghiệp do đó quan trọng nhất là lễ hội gắn với cây lúa, diễn ra tuần hoàn theo chu trình trồng lúa cùng những nghi lễ phức tạp. Bất kỳ tháng nào, mùa nào ở Đông Nam Á cũng diễn ra lễ hội như một nét văn hoá, một tập tục không thể thiếu được trong đời sống tinh thần và sản xuất của cư dân nơi đây.

Gắn với đời sống sinh hoạt, tập quán canh tác và điều kiện tự nhiên của mỗi nước, lễ hội nông nghiệp về lúa được thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng. Giai đoạn đầu tiên của quy trình trồng cây lúa là cày bừa gieo hạt đã được phản ánh dưới nhiều hình thức lễ hội khác nhau ở các nước Đông Nam Á. Thái Lan có lễ “hạ điền” - *Rekna*, Myanma có lễ “đường cày hạnh phúc” và người Việt xưa cũng có lễ xuống đồng hay “cày tịch điền”, đều được tổ chức để báo hiệu một mùa gieo cấy mới. Lễ hội này của người Thái có từ thời kỳ Ayuthaya (thế kỷ XIV, XV) và được duy trì tới tận ngày nay. Chúng được coi như một nghi lễ quốc gia quan trọng. Vì vậy, đích thân hoàng gia sẽ tham dự và trong buổi lễ nhà vua cùng các quan lại cũng tự mình xuống đồng cày vài đường đầu tiên tượng trưng để mở đầu một vụ mùa mới. Nghi thức đường cày đầu tiên này dù có tên gọi khác nhau nhưng mục đích chính của nó đều nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp, cầu mùa mới bội thu, phản ánh tư tưởng trọng nông từ lâu đời của cư dân khu vực.

Còn nhân dân làng Ngà (Quế Võ, Bắc Ninh, Việt Nam) lại có lễ hội xuống đồng mang đậm tín ngưỡng phồn thực độc đáo. Tại miếu làng, lễ hội đã biến thành *hội chen*, trong đó đàn ông đàn bà xô chen, đẩy nhau xuống bờ ruộng. Đây là một biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực cầu mong cho vạn vật sinh sôi nảy nở, mùa màng tươi tốt.

Chu kỳ sống và phát triển của cây lúa làm nảy sinh hàng loạt các lễ hội cổ truyền ở khu vực. Nếu như khi gieo hạt đầu mùa, người dân tổ chức đón mừng mùa mới, cầu mưa, cầu cho vạn vật sinh sôi nảy nở thì đến giai đoạn “lúa chửa”, người ta có lễ cầu cho lúa phát triển tốt

và các lực lượng siêu nhiên bảo vệ lúa. Gắn với giai đoạn này có các lễ hội với hình thức phong phú khác như: lễ Ếu Po Blum – lễ cúng thân ruộng lúa lúc lúa phát triển, lễ Đôk Tian – lễ cúng lúc lúa trở đòng của người Chăm, lễ Đôn-ta ở Campuchia...

Nông dân tỉnh Ayuthay ở Thái Lan có lễ cầu chúc cho Nữ thần lúa rất độc đáo theo quan niệm tín ngưỡng hồn lúa bản địa của cư dân nơi đây. Cây lúa là vị thần hộ mệnh có thuộc tính nữ nên luôn ưa dịu dàng, vì vậy trong buổi lễ, họ rắc phấn và nước hoa lên lá lúa, làm điệu bộ chải tóc trang điểm cho nữ thần rồi khẩn chúc thân khoẻ mạnh, sinh sản nhiều để dân làng có vụ mùa bội thu.

Giai đoạn thu hoạch lúa là khoảng thời gian vui sướng nhất của người nông dân và theo đó hàng loạt lễ hội được diễn ra để mừng mùa lúa chín, tạ ơn tổ tiên, thần linh đã phù hộ với những hình thức và hoạt động cầu kỳ nhất. Người Chăm vào dịp này tổ chức lễ xuống gặt - Trun yuak vào tháng 10 lịch Chăm, khi buổi lễ kết thúc thì họ tiến hành gặt luôn; người Khơ me có lễ mừng cơm mới. Một số vùng ở Malaixia và Java, Bali (Indônêxia) thì có nghi lễ mời thần lúa về nhà trong ngày gặt đầu tiên, thể hiện sự trân trọng nâng niu đối với thần lúa.

Thời gian nhàn rỗi sau khi thu hoạch, cư dân Đông Nam Á cũng tổ chức rất nhiều lễ hội mừng lúa về nhà và để tỏ lòng biết ơn các đấng thiêng liêng đã phù hộ độ trì cho mùa màng. Người Lào có lễ hội Bun Khun Khẩu Nay Lan – ngày hội vun thóc trên sân (tổ chức vào tháng 2 Phật lịch), Bun Khẩu Chỉ – “*hội xôi nướng*” (tháng 3 Phật lịch). Những ngày hội này có nhiều nghi thức độc đáo mang đậm màu sắc của đạo Phật, nó

cũng là dịp để tỏ lòng biết ơn đối với các đấng thiêng liêng đã phù hộ cho mùa màng tươi tốt.

Cư dân bang Sabah (Malaixia) có hội mừng mùa mới Pesta Kamatan tổ chức vào tháng 5 hàng năm như một dịp vui chơi giải trí thư giãn sau vụ mùa bận rộn, vất vả, ở đó mọi người được tự do ca hát thể hiện khả năng văn nghệ của mình. Ngoài ra còn có một số lễ hội khác như hội chơi trâu ở Đồ Sơn (Việt Nam), hội mùa Tamanè Hto thi, lễ hội Bun sern Phawed ở Thái Lan...

Đi cùng với các lễ hội nông nghiệp là sự biểu hiện đa dạng của tín ngưỡng bản địa lâu đời, đặc biệt là tín ngưỡng phồn thực, đó là niềm mơ ước về sự sinh sôi nảy nở của vạn vật, mùa màng.

Trong nông nghiệp muốn được mùa màng bội thu còn cần sự hỗ trợ của nhiều yếu tố khác như đất, nước, ánh sáng... Buổi đầu lịch sử, khi cuộc sống của con người còn dựa chủ yếu vào thiên nhiên thì chúng được coi là yếu tố quyết định trong nông nghiệp nhất là trồng cấy lúa. Vì thế lễ hội cầu mưa, tế thần đất, nước, mặt trời và các lực lượng siêu nhiên cũng được diễn ra khắp mọi nơi. Trong đó nổi bật là Tết Nguyên đán của Campuchia, Lào, Thái Lan, Mianma hay còn gọi là Tết té nước, được tiến hành vào tháng 4 dương lịch (thời gian chuyển tiếp giữa mùa khô và mùa mưa). Tết té nước là một biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực bởi mục đích của nó là xin nước cho cây cối mùa màng phát triển xanh tốt, mang lại sự mát mẻ cho vạn vật, ấm no cho con người. Lễ hội này ở Campuchia gọi là Chôn Chơnam Thơmây, Bun Pimày (Lào), Sổngkran (Thái Lan), cũng có thể coi đây là Tết vào mùa, mở đầu cho vụ lúa mùa chính trong năm của cư dân. Bên cạnh đó,

chúng còn mang màu sắc của Phật giáo tiểu thừa và Bàlamôn. Cùng với phần lễ trang trọng là phần hội với rất nhiều trò chơi có nội dung về sản xuất nông nghiệp như tục té nước, đá cầu chuyên, đánh phết...

Ngoài ra, người dân còn tổ chức nhiều hoạt động đón Mặt Trời, tống tiễn Trăng, đón Ánh sáng và Thần khô ráo...

### 1.2. Lễ hội tôn giáo:

Đông Nam Á nằm trên con đường giao lưu, là nơi hội tụ của các dòng văn hoá và luồng di cư. Vì vậy ở đây đã diễn ra sự hoà trộn, giao thoa giữa văn hoá bản địa với văn hoá ngoại lai đặc biệt là văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ. Bức tranh tôn giáo tín ngưỡng ở Đông Nam Á cũng mang tính đa dạng, muôn màu muôn vẻ như vậy. Tuy nhiên những tôn giáo ấy chỉ như lớp "véc ni" phủ lên nền văn hoá chung, với tinh thần, ý thức dân tộc của mình khi vào Đông Nam Á "hoà đồng với các nền văn hoá bản xứ, các tôn giáo du nhập đã buộc phải thay đổi một cách rõ rệt tính cách của chúng" (6,46). Từ đó tạo nên nhiều loại hình tôn giáo phù hợp với đời sống tinh thần của nhân dân: ở Campuchia, mặc dù đạo Phật là quốc giáo song đạo Bàlamôn vẫn tồn tại và hoà trộn với các lễ thức Phật giáo, hay tín ngưỡng Vua – Thần ở thời đại Ăngco. Điều này có lẽ "bắt nguồn từ tính dễ thích nghi, tính cởi mở và uyển chuyển của bản thân con người Đông Nam Á" (2,136). Lễ hội cổ truyền thể hiện khá rõ nét điều này, mỗi một tôn giáo có những lễ hội riêng của mình nhưng ở Đông Nam Á, nó đã kết hợp hài hoà với các tín ngưỡng bản địa để tạo nên nhiều loại hình và nghi thức mới.

**Đạo Hồi:** tôn giáo lớn nhất trong khu vực hiện nay, được du nhập vào Đông Nam Á khoảng thế kỷ XIII, đã gây

ảnh hưởng lớn trong đời sống của cư dân khu vực và lễ hội đặc biệt là ở các quốc gia Hồi Giáo.

Ở Indônêxia, đạo Hồi là quốc giáo nên có rất nhiều lễ hội như: lễ hội Isra Mí raj nabi Muhamad được cử hành vào cái đêm tương truyền rằng khi đó Tổng lãnh thiên thần Gabriel đưa tiên tri Môhamed lên trời gặp thượng đế; lễ hội hiến tế Idul Adha hay tết năm mới Hồi giáo Hegria... Nổi bật nhất là Lembaran, một lễ hội sôi nổi tổ chức vào cuối tháng ăn chay Ramadan. Mọi người mặc áo mới, đốt pháo, thăm người thân và bạn bè, tặng nhau những món ăn rất cầu kỳ, đặc biệt là món bánh ketupat làm từ gạo gói lá dừa hấp chín. Đây cũng là dịp người ta tỏ lòng kính trọng đối với tổ tiên, họ đi thăm phần mộ của gia đình, cầu nguyện cho những người thân đã khuất. Việc làm này thể hiện truyền thống bản địa lâu đời của dân tộc - tín ngưỡng sùng bái người đã mất.

Ở vương quốc Brunây, sự kết hợp những giá trị truyền thống của đạo Hồi với những nét đặc sắc của văn hoá Malay được thể hiện rõ trong các lễ hội truyền thống. Các lễ hội Hồi giáo: Hari Raya Puasa, Maulut, Hari Raya Haji... đều tuân thủ những nguyên tắc chặt chẽ của đạo Hồi và phong tục của người Malay.

Còn ở Xingapo, lễ hội của các tôn giáo diễn ra quanh năm. Tháng giêng hoặc tháng hai là Tết nguyên đán của người Hoa, ngoài ra còn có các dịp cúng lễ vào rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm Trung thu. Những người theo đạo Hồi có hai lễ hội chính là Hari Raya Pusan (lễ hội kết thúc tháng ăn chay vào tháng giêng), Hari Raya Haji (lễ hội năm mới và mừng ngày sinh của người sáng lập ra đạo Hồi Môhamed vào tháng 4).

Ngoài ra còn có các lễ hội khác như Thimithi và Navarathiri (9 đêm cầu nguyện).

Các lễ hội Hồi giáo thường có tính chất truyền thống, nét tương đồng ở những nước theo đạo Hồi cả Đông Nam Á và thế giới. Do vậy lễ hội của đạo Islam ở Indônêxia, Malaixia, Brunây, Xingapo... dù có tên gọi khác nhau nhưng đều giống nhau về nội dung như: lễ hội Hari Raya Puasa của Malaysia giống với Lembaran (Indônêxia), Aidifitri của thế giới đạo Hồi cũng đều nhằm kỷ niệm kết thúc tháng ăn chay Ramadan.

**Phật giáo** là tôn giáo lớn thứ hai khu vực sau Hồi giáo. Phật giáo vào Đông Nam Á khá sớm theo con đường hoà bình với 2 giáo phái: Tiểu thừa và Đại Thừa. Trong lịch sử, đạo Phật từng là tôn giáo chủ yếu của khu vực, hiện nay nó vẫn được coi là quốc giáo của một vài nước như Thái Lan, Campuchia... Phật giáo dễ hoà nhập với các tín ngưỡng bản địa và nhanh chóng được tiếp nhận do có nhiều điểm tương đồng về tư tưởng, các mặt tích cực phù hợp với cuộc sống của cư dân như thuyết nhân quả nghiệp báo, lòng nhân ái vị tha... Với đạo Phật, các sự kiện như ngày Phật sinh, ngày Phật tịch, lúc đắc đạo, khi nhập cõi Niết Bàn là khoảnh khắc quan trọng nhất và cũng là nội dung phổ biến của lễ hội.

Ở Indônêxia, người dân tổ chức lễ hội Waisak để kỷ niệm 3 sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời Phật Thích ca, đó là ngày ngài sinh ra, lúc đắc đạo và khi nhập cõi Niết bàn ở khu đền Bôrôbudua nổi tiếng.

Trung tâm Phật giáo Luy Lâu (Việt Nam) hàng năm đều tổ chức lễ hội chùa Dâu nổi tiếng, nó cũng trở thành lễ hội văn hoá dân gian độc đáo điển hình của

làng quê nông nghiệp lúa nước. Với các nghi lễ đặc trưng có sự pha trộn giữa màu sắc Phật giáo và tín ngưỡng bản địa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước như: tắm tượng, rước tượng Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), cướp nước... Ngoài ra còn có nhiều lễ hội Phật giáo khác như: hội chùa Keo, hội Chùa Hương (Việt Nam), lễ hội Bun Mahabura – kỷ niệm ngày Phật Đản của Lào, hội rước tượng Phật Luang Wiang Lakon ở Lam pang (Thái Lan)...

**Kitô giáo:** tôn giáo được du nhập vào Đông Nam Á muộn nhất, khoảng thế kỷ 16 – 17 với rất nhiều lễ hội đặc sắc như Giáng sinh, Phục Sinh...

Philippin là quốc gia có số dân theo Kitô giáo đông nhất khu vực (84,1%). Bên cạnh các lễ hội thông thường theo tục lệ họ còn có một lễ hội đặc biệt - Mazareno, bắt nguồn từ sự tích pho tượng gỗ thánh Mazareno vẫn còn nguyên vẹn trong khi cả nhà thờ Jiyapo bị thiêu cháy. Người dân sùng bái nó và tin vào một thế lực thánh thần siêu nhiên đã che chở. Hàng năm vào ngày 9 – 1 dương lịch, người ta tổ chức lễ rước tượng khắp phố phường, ai ai cũng muốn hôn chân và sờ vào áo của pho tượng để mong được ban phúc.

Còn trên hòn đảo Flores (Indônêxia), người dân tổ chức lễ Giáng sinh rất độc đáo. Trong buổi lễ, người ta mặc y phục đen, đội mũ trùm ba góc màu trắng, gọi lại chút gì tập quán của những người Bồ Đào Nha đã đến đây thế kỷ 16. Họ đi chân không, thấp nển và rước tượng Đức Mẹ đồng trinh cùng chiếc quan tài đen tượng trưng cho chúa Jesus điểu hành khắp các đường phố.

Bên cạnh ba tôn giáo chính trên, trong lịch sử, cư dân Đông Nam Á còn

tiếp thu một số tôn giáo khác như Nho giáo, Hindu giáo, Đạo giáo. Nho giáo, Đạo giáo chỉ còn lại một số dấu vết rải rác không nhiều. Trong số này thì Hindu giáo là tôn giáo duy nhất còn duy trì và phát triển ảnh hưởng của mình trong văn hoá lễ hội Đông Nam Á đến tận bây giờ do nó được coi là tôn giáo chính của cộng đồng người Ấn ở đây. Với cư dân Bali (Indônêxia) thì Nyepy – tết năm mới của người Hindu là lễ hội quan trọng nhất. Nếu như đêm giao thừa trước ngày lễ là đêm huyền ảo, khoa chiêm trống âm ĩ để xua ma quỷ thì hôm sau một không khí yên lặng bao trùm lên cả hòn đảo để cầu nguyện. Suốt 24h, không một ánh lửa, không một tiếng động, bởi theo quan niệm của cư dân Hindu giáo làm thế sẽ có được sự trong sạch cả về thể xác và tâm hồn để bước vào năm mới an lành, may mắn.

Malaisia, quốc gia có cộng đồng cư dân người Ấn khá đông cũng tổ chức nhiều lễ hội Hindu giáo khác nhau như: ngày hội ánh sáng Deepavali tưởng nhớ tới chiến thắng của cái thiện trước cái ác (tháng 4 hàng năm), vào tháng giêng hoặc đầu tháng 2 dương lịch có ngày hội Thaipusam kỷ niệm ngày sinh của đức Subramaniam (ở cả Xingapo)...

Cùng với các lễ hội tôn giáo trên, ở Đông Nam Á còn lưu giữ một số lượng lớn các tín ngưỡng bản địa cùng các lễ hội cổ truyền của chúng như: tục vũ hội dưới trăng, múa khèn của người Dao và người Hmông (Việt Nam), hội đốt pháo thăng thiên ở Lào, lễ hội thờ thần mặt trời, thần sông núi... Tất cả thể hiện tín ngưỡng phồn thực và sùng bái tự nhiên của xã hội nông nghiệp và là một phần nằm trong hệ thống lễ hội nông nghiệp cầu mong cho mùa màng bội thu, vạn vật sinh sôi nảy nở.

### 1.3 Lễ hội tôn vinh các anh hùng dân tộc, thành hoàng, tổ nghề

Cư dân Đông Nam Á không chỉ coi mở mà còn rất “uyển chuyển” trong việc tiếp nhận các nền văn hoá ngoại lai. Trong khi vừa mở cửa đón nhận, tiếp thu tinh hoa của các dòng văn hoá bên ngoài, họ vẫn còn lưu giữ những bản sắc truyền thống lâu đời của dân tộc mình. Chính vì vậy ngay cả khi các tôn giáo từ Trung Hoa, Ấn Độ, hay phương Tây tràn vào ô ạt thì tục thờ cúng tổ tiên mà các nhà nghiên cứu gọi là tín ngưỡng sùng bái người đã mất vẫn không bị lãng quên. Ở đảo Bali, dù Ấn Độ giáo chiếm ưu thế, người dân vẫn vừa thờ thần Siva vừa thờ cúng tổ tiên. Tập tục thờ cúng tổ tiên hàng ngàn đời ấy đã được gìn giữ và phát triển thành các lễ hội tưởng niệm những con người có công với dân, với nước trên khắp mọi miền.

Ở Việt Nam, những lễ hội này vẫn tồn tại từ nghìn năm nay như: lễ hội Phủ Giầy thờ Mẫu Liễu Hạnh, lễ hội thờ Đức thánh tản, hội Đền Đông Nhân thờ Hai Bà Trưng, hội đền Kiếp Bạc thờ Đức thánh Trần tức Trần Hưng Đạo, hội Gò Đống Đa tưởng nhớ tới vị anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ... Có thể họ chỉ là những nhân vật chỉ tồn tại trong truyền thuyết như Mẫu Liễu Hạnh hay Bà Chúa kho nhưng dù thế nào đi nữa thì trong tâm tưởng của người Việt, họ đã được thần thánh hoá, thờ phụng khắp nơi. Các lễ hội tôn vinh họ chiếm một phần lớn trong hệ thống lễ hội nước ta và thông qua đó, cuộc đời và công lao của các vị anh hùng được tôn vinh, nhắc nhớ đối với con cháu đời sau. Một điều dễ nhận thấy trong hệ thống thần thánh là có không ít phụ nữ mà nhân dân gọi là Thánh Mẫu. Bởi

trong đời sống sản xuất nông nghiệp, vai trò của người Mẹ, người phụ nữ được đề cao, tượng trưng cho sự sinh tồn của tín ngưỡng phồn thực.

Không chỉ Việt Nam mà ở các quốc gia khác người ta cũng tổ chức nhiều lễ hội thờ phụng những vị thần nông nghiệp, tổ nghề sản xuất và các vị anh hùng dân tộc như: ngày lễ Kartini vinh danh Raden Ajeng Kartini - một trong những vị anh hùng dân tộc được kính trọng ở Indônêxia. Còn ở các quốc gia Hồi giáo, người ta tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh Thiên sứ Môhamed – người sáng lập ra đạo Islam rất quy mô như Brunây, Malaixia, Indônêxia (lễ Gareberg)... Đối với những nước mà đạo Hồi là quốc giáo thì các ngày hội này còn mang tính quốc gia và cũng có thể xếp nó vào hệ thống lễ hội tôn giáo.

Như vậy cùng với lễ hội tín ngưỡng và nông nghiệp, các lễ hội tưởng niệm thánh thần, những anh hùng dân tộc, thành hoàng, người sáng lập ra bộ tộc, ngành nghề truyền thống hay tôn giáo... cũng diễn ra rất sôi nổi và là nội dung không thể thiếu được trong hệ thống lễ hội ở Đông Nam Á, nó thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của các dân tộc nơi đây.

## 2. Đặc điểm chung và các giá trị của lễ hội ở Đông Nam Á

Qua một số nội dung chính của các lễ hội phổ biến, ở Đông Nam Á kể trên, chúng ta có thể nhận thấy được tính thống nhất trong đa dạng của lễ hội nói riêng và văn hoá Đông Nam Á nói chung. Đây là nét chủ đạo xuyên suốt trong lịch sử hình thành và phát triển của khu vực này trên mọi lĩnh vực.

- Lễ hội Đông Nam Á thường diễn ra quanh năm theo chu trình phát triển

### 1.3 Lễ hội tôn vinh các anh hùng dân tộc, thành hoàng, tổ nghề

Cư dân Đông Nam Á không chỉ coi mở” mà còn rất “uyển chuyển” trong việc tiếp nhận các nền văn hoá ngoại lai. Trong khi vừa mở cửa đón nhận, tiếp thu tinh hoa của các dòng văn hoá bên ngoài, họ vẫn còn lưu giữ những bản sắc truyền thống lâu đời của dân tộc mình. Chính vì vậy ngay cả khi các tôn giáo từ Trung Hoa, Ấn Độ, hay phương Tây tràn vào ô ạt thì tục thờ cúng tổ tiên mà các nhà nghiên cứu gọi là tín ngưỡng sùng bái người đã mất vẫn không bị lãng quên. Ở đảo Bali, dù Ấn Độ giáo chiếm ưu thế, người dân vẫn vừa thờ thần Siva vừa thờ cúng tổ tiên. Tập tục thờ cúng tổ tiên hàng ngàn đời ấy đã được gìn giữ và phát triển thành các lễ hội tưởng niệm những con người có công với dân, với nước trên khắp mọi miền.

Ở Việt Nam, những lễ hội này vẫn tồn tại từ nghìn năm nay như: lễ hội Phủ Giầy thờ Mẫu Liễu Hạnh, lễ hội thờ Đức thánh tản, hội Đền Đồng Nhân thờ Hai Bà Trưng, hội đền Kiếp Bạc thờ Đức thánh Trần tức Trần Hưng Đạo, hội Gò Đống Đa tưởng nhớ tới vị anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ... Có thể họ chỉ là những nhân vật chỉ tồn tại trong truyền thuyết như Mẫu Liễu Hạnh hay Bà Chúa kho nhưng dù thế nào đi nữa thì trong tâm tưởng của người Việt, họ đã được thần thánh hoá, thờ phụng khắp nơi. Các lễ hội tôn vinh họ chiếm một phần lớn trong hệ thống lễ hội nước ta và thông qua đó, cuộc đời và công lao của các vị anh hùng được tôn vinh, nhắc nhớ đối với con cháu đời sau. Một điều dễ nhận thấy trong hệ thống thần thánh là có không ít phụ nữ mà nhân dân gọi là Thánh Mẫu. Bởi

trong đời sống sản xuất nông nghiệp, vai trò của người Mẹ, người phụ nữ được đề cao, tượng trưng cho sự sinh tồn của tín ngưỡng phồn thực.

Không chỉ Việt Nam mà ở các quốc gia khác người ta cũng tổ chức nhiều lễ hội thờ phụng những vị thần nông nghiệp, tổ nghề sản xuất và các vị anh hùng dân tộc như: ngày lễ Kartini vinh danh Raden Ajeng Kartini - một trong những vị anh hùng dân tộc được kính trọng ở Indônêxia. Còn ở các quốc gia Hồi giáo, người ta tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh Thiên sứ Môhamed – người sáng lập ra đạo Islam rất quy mô như Brunây, Malaixia, Indônêxia (lễ Gareberg)... Đối với những nước mà đạo Hồi là quốc giáo thì các ngày hội này còn mang tính quốc gia và cũng có thể xếp nó vào hệ thống lễ hội tôn giáo.

Như vậy cùng với lễ hội tín ngưỡng và nông nghiệp, các lễ hội tưởng niệm thánh thần, những anh hùng dân tộc, thành hoàng, người sáng lập ra bộ tộc, ngành nghề truyền thống hay tôn giáo... cũng diễn ra rất sôi nổi và là nội dung không thể thiếu được trong hệ thống lễ hội ở Đông Nam Á, nó thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của các dân tộc nơi đây.

## 2. Đặc điểm chung và các giá trị của lễ hội ở Đông Nam Á

Qua một số nội dung chính của các lễ hội phổ biến, ở Đông Nam Á kể trên, chúng ta có thể nhận thấy được tính thống nhất trong đa dạng của lễ hội nói riêng và văn hoá Đông Nam Á nói chung. Đây là nét chủ đạo xuyên suốt trong lịch sử hình thành và phát triển của khu vực này trên mọi lĩnh vực.

- Lễ hội Đông Nam Á thường diễn ra quanh năm theo chu trình phát triển



của nông nghiệp, cụ thể là quy trình trồng cấy lúa: mùa xuân có lễ xuống đồng, mùa thu là lễ cơm mới, lễ mừng mùa bội thu, mùa mưa có lễ cúng thần nước, thần lũ lụt, mùa khô có lễ cầu mưa...

Lễ hội ở Đông Nam Á mang tính bản địa sâu sắc do các quốc gia này có nguồn gốc xuất phát chung từ nền nông nghiệp trồng lúa nước. Vì thế ở các lễ hội dù diễn ra dưới bất kỳ hình thức nào, chúng ta cũng nhận thấy được sự thống nhất trong nội dung và mục đích.

Chính do tính bản địa này nên khi có sự du nhập của các tôn giáo ngoại lai thì các lễ hội ở Đông Nam Á lại có sự kết hợp nhuần nhuyễn cả hai dòng văn hoá.

Về không gian lễ hội, các lễ hội thường được tổ chức ở những nơi linh thiêng của tự nhiên như sông, suối, rừng núi, đồng ruộng... đồng thời cũng là địa điểm lao động của cộng đồng cư dân, nó thể hiện sự gắn bó thống nhất, sự hoà đồng của giữa con người với thiên nhiên.

Tất cả các lễ hội ở Đông Nam Á đều có hai phần không thể tách rời được: phần lễ và hội. Lễ là những nghi thức tiến hành nhằm cầu mong đấng tối cao phù hộ độ trì hoặc tạ ơn; đây là phần đạo – phần tâm linh của cộng đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đảm bảo nề nếp trật tự của lễ hội. Còn phần hội là những hoạt động vui chơi giải trí mà hình thức, ý nghĩa của nó đều phù hợp hoặc phục vụ cho nội dung của “lễ”.

Với những ý nghĩa đó, chính phủ các nước Đông Nam Á hiện nay rất quan tâm tới việc phục hồi và phát triển các lễ hội truyền thống của dân tộc mình nói riêng và của khu vực. Hiểu ý nghĩa của lễ hội trong thời đại mới sẽ giúp cho việc đoàn kết dân tộc trong mỗi nước và

trong cả khu vực, tạo nên nguồn sức mạnh tinh thần to lớn giúp các quốc gia Đông Nam Á cùng nhau xây dựng mối quan hệ hợp tác anh em cùng hướng tới tương lai bền vững giữa bối cảnh thế giới đầy biến động.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập II (1925 – 1930), NXB Sự Thật, Hà Nội 1981.
2. Mai Ngọc Chừ (chủ biên) - Văn hoá Đông Nam Á. NXB ĐHQG, 2002.
3. Ngô Văn Doanh (chủ biên) – Tìm hiểu văn hoá Indônêxia. Viện Đông Nam Á, 1987.
4. Ngô Văn Doanh. Từ điển văn hoá Đông Nam Á, 1999.
5. Nguyễn Tấn Đắc (chủ biên). Văn hoá Đông Nam Á - NXB Khoa học xã hội, 2003.
6. D.G.E.Hall – Lịch sử Đông Nam Á - NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1997.
7. Trịnh Huy Hoá (biên dịch) - Đối thoại với các nền văn hoá: Indônêxia, Thái Lan – NXB Trẻ, 2001.
8. GS Phan Ngọc Liên (chủ biên). Lược sử Đông Nam Á. NXBGD, 1997.
9. Hoàng Lương. Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam. NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.
10. Thạch Phương, Lê Trung Vũ. 60 lễ hội truyền thống Việt Nam. NXB KHXH, 1995.
11. Milton Osborn. Southeast Asia: An Introductory History. Anllen & Unwin, Australia, 1996.
12. Michael Leifer. Dictionary of the Modern Politics of Southeast Asia. Routledge London and New York, 1995.